BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO, ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-BĐKH ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Văn phòng	Trung tâm TƯ BĐKH và Trung hòa các-bon	Ban quản lý dự án SMS-MP	Ban quản lý dự án CBIT
	TỔNG SỐ	**130.704**	**130.704**	**40.666**	**34.296**	**28.954**	**26.788**
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH, PHÍ, LỆ PHÍ**	-	-	-	-	-	
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**130.704**	**130.704**	**40.666**	**34.296**	**28.954**	**26.788**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**60.681**	**60.681**	**26.058**	**34.296**	**205**	**122**
1	***Chi quản lý hành chính***	***11.800***	***11.800***	***11.800***	***0***	***0***	***0***
	Trong đó: tiết kiệm chi	*13*	*13*				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.724	10.724	10.724	-	-	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.076	1.076	1.076	-	-	
2	***Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ***	***1.690***	***1.690***	***0***	***1.690***	***0***	
	Trong đó: tiết kiệm chi	*18*	*18*				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.690	1.690	0	1.690	0	0
-	*Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	
-	*Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ*	*1.690*	*1.690*	*0*	*1.690*	*0*	*0*

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				Văn phòng	Trung tâm TƯ BĐKH và Trung hòa các-bon	Ban quản lý dự án SMS-MP	Ban quản lý dự án CBIT
-	*Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	***Chi hoạt động kinh tế***	***0***	***0***	***0***	***0***	***0***	
7	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***47.191***	***47.191***	***14.258***	***32.606***	***205***	***122***
	Trong đó: tiết kiệm chi	*472*	*472*				
7.1	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*						
7.2	*Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên*	*47.191*	*47.191*	*14.258*	*32.606*	*205*	*122*
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**70.023**	**70.023**	**14.608**	**-**	**28.749**	**26.666**
6	***Chi hoạt động kinh tế***	***2.621***	***2.621***	***2.621***	***-***	***-***	
	Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và Bản sửa đổi, bổ sung Kigali ở Việt Nam (ISP)	2.621	2.621	2.621			
7	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***67.402***	***67.402***	***11.987***	***-***	***28.749***	***26.666***
7.1	Quản lý bền vững các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal tại Việt Nam (SMS-MP)	28.749	28.749			28.749	
7.2	Nâng cao năng lực quản lý dữ liệu và thông tin báo cáo phù hợp với yêu cầu Khung minh bạch tăng cường của thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CBIT)	26.666	26.666				26.666
7.3	Xây dựng Báo cáo Minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam gửi Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (BTR1)	11.987	11.987	11.987			